**Phụ lục I**

**KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

| **TRƯỜNG:** **TỔ:**  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| --- | --- |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TOÁN, KHỐI LỚP 7**

(Năm học 2022 - 2023)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp: 11; Số học sinh: 461; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**: Không**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 7 ; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 1; Đại học: 6; Trên đại học: 0

 **Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên:** Tốt: 7 ; Khá: 0; Đạt:0; Chưa đạt:0

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Máy tính, máy chiếu tại các phòng học, bảng tương tác | bộ | Dùng cho các tiết dạy có ứng dụng CNTT |  |
| 2 | Thước kẻ, Eke, compa của giáo viên | bộ | Dụng cụ vẽ hình dùng cho các tiết hình học |  |
| 3 | Bìa giấy cứng, keo dán, Dụng cụ thủ công | Bộ | Dùng cho các tiết tạo hình, hoạt động trải nghiệm |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập***(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Phòng Tin học | 01 | Vẽ hai đường thẳng song song và đo góc bằng phần mềm Geogebra |  |
| 2 | Lớp học | 01 | Thực hành tính tiền điệnCác bài toán về đo đạc và gấp hìnhĐại lượng tỉ lệ trong thực tếLàm dàn hoa tam giác để trang trí lớp họcNhảy theo xúc xắc |  |

**II. Kế hoạch dạy học**

1. **Phân phối chương trình:**

| **Cả năm: 140** tiết | **Số và Đại số: 57** tiết | **Hình học: 56** tiết | **TK và XS: 18** tiết | **HĐTH, TN: 9** tiết |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Học kì I**72 tiết | **28 tiết** | **28 tiết** | **11 tiết** | **5 tiết** |
| **Học kì II**68 tiết | **29 tiết** | **28 tiết** | **7 tiết** | **4 tiết** |

**a. Phân môn Số và Đại số**

| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **HỌC KỲ I (18 tuần): 15 tuần đầu x2 = 30 tiết****CHƯƠNG 1: SỐ HỮU TỈ (17 tiết)** |
| 1 | Bài 1. Tập hợp các số hữu tỉ  | 2 | - Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ- Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ- Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số- Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ- Nhận biết được thứ tự trong tập hợp số hữu tỉ, so sánh được 2 số hữu tỉ  |
| 2 | Bài 2. Các phép tính với số hữu tỉ | 5 | - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hưũ tỉ- Vận dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng và phép nhân, tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng để tính một cách hợp lí.- Giải quyết các vấn đề thực tiễn gắn với việc thực hiện phép cộng, trừ, nhân, chia số hữu tỉ. |
| 3 | Bài 3. Lũy thừa của một số hữu tỉ | 2 | - Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của nó- Vận dụng được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của số hữu tỉ trong tính toán và giải quyết một số vấn đề thực tiễn. |
| 4 | Bài 4. Quy tắc dấu ngoặc và quy tắc chuyển vế | 2 | - Mô tả được thứ tự thực hiện phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ.-Vận dụng thứ tự thực hiện phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ để tính toán hợp lí. |
| 5 | Bài 5. Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Thực hành tính tiền điện. | 1 | Thực hành: tính tiền điện |
| 6 | Ôn tập cuối chương I + **KTĐGTX1** | 3 | - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hưũ tỉ- Vận dụng được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của số hữu tỉ trong tính toán và giải quyết một số vấn đề thực tiễn.- Vận dụng thứ tự thực hiện phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ để tính toán hợp lí. |
| 7 | Ôn tập giữa HKI | 1 |  |
| 8 | **Kiểm tra giữa HKI** | 1 |  |
| **CHƯƠNG 2: SỐ THỰC (13 tiết)** |
| 9 | Bài 1. Số vô tỉ. Căn bậc hai số học | 4 | - Nhận biết được số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn.- Nhận biết được số vô tỉ.- Nhận biết được căn bậc hai số học của một số không âm- Tính được giá trị( đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay. |
| 10 | Bài 2. Số thực. Giá trị tuyệt đối của một số thực | 4 | - Nhận biết được số thực và tập hợp số thực- Nhận biết được thứ tự trong tập hợp số thực- Nhận biết được trục số thực và biểu diễn được số thực trên trục số trong trường hợp thuận lợi.- Nhận biết được số đối của một số thực. |
| 11 | Bài 3. Làm tròn và ước lượng kết quả | 2 | - Nhận biết được ý nghĩa của việc ước lượng và làm tròn số- Thực hiện được quy tròn số thập phân- Thực hiện được ước lượng và làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước.- Biết sử dụng máy tính cầm tay để ước lượng và làm tròn số |
| 12 | Bài 4. Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Tính chỉ số đánh giá thể trang BMI. | 1 | Thực hành: Tính chỉ số đánh giá thể trạng BMI |
| 13 | Ôn tập cuối chương 2 **+** **KTĐGTX2** | 2 | - Thực hiện được quy tròn số thập phân- Tính được giá trị( đúng hoặc gần đúng) căn bậc hai số học của một số nguyên dương bằng máy tính cầm tay.- Thực hiện được quy tròn số thập phân- Thực hiện được ước lượng và làm tròn số căn cứ vào độ chính xác cho trước. |
|  |
| **HỌC KỲ II (17 tuần): 13 tuần đầu x2 + (tuần 14) x3 + (tuần 17) x2 = 26+3+2=31 tiết****CHƯƠNG 6: CÁC ĐẠI LƯỢNG TỈ LỆ (16 tiết)** |
| 14 | Bài 1. Tỉ lệ thức - Dãy tỉ số bằng nhau | 3 | - Nhận biết được tỉ lệ thức và các tính chất của tỉ lệ thức- Nhận biết được dãy tỉ số bằng nhau- Vận dụng được tính chất tỉ lệ thức và dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán |
| 15 | Bài 2. Đại lượng tỉ lệ thuận | 4 | - Nhận biết được các đại lượng tỉ lệ thuận- Nhận biết các tính chất cơ bản của đại lượng tỉ lệ thuận- Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận. |
| 16 | Bài 3. Đại lượng tỉ lệ nghịch | 4 | - Nhận biết được các đại lượng tỉ lệ nghịch- Nhận biết các tính chất cơ bản của đại lượng tỉ lệ nghịch- Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ nghịch( bài toán về thời gian hoàn thành kế hoạch và năng suất lao động) |
| 17 | Bài 4. Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Các đại lượng tỉ lệ trong thực tế | 1 |  Tìm các đại lượng tỉ lệ nghịch trong thực tế |
| 18 | Ôn tập cuối chương 6 + **KTĐGTX 3** | 2 | - Vận dụng được tính chất tỉ lệ thức và dãy tỉ số bằng nhau trong giải toán- Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ thuận- Giải được một số bài toán đơn giản về đại lượng tỉ lệ nghịch( bài toán về thời gian hoàn thành kế hoạch và năng suất lao động) |
| 19 | Ôn tập giữa HKII | 1 |  |
| 20 | **Kiểm tra giữa HKII** | 1 |  |
| **CHƯƠNG 7: BIỂU THỨC ĐẠI SỐ (15 tiết)** |
| 21 | Bài 1. Biểu thức số, biểu thức đại số | 3 | - Nhận biết được biểu thức số và biểu thức đại số- Viết được biểu thức đại số biểu diễn các đại lượng quen thuộc trong hình học hay trong đời sống.- Tính được giá trị của một biểu thức đại số |
| 22 | Bài 2. Đa thức một biến | 3 | - Nhận biết được đa thức một biến và tính được giá trị của đa thức một biến khi biết giá trị của biến.- Nhận biết được cách biểu diễn, xác định bậc của đa thức một biến- Nhận biết được nghiệm của đa thức một biến- Vận dụng kiến thức trên vào một số bài tập đơn giản |
| 23 | Bài 3. Phép công và phép trừ đa thức một biến | 3 | - Thực hiện được phép cộng và phép trừ hai đa thức một biến- Vận dụng được những tính chất của phép cộng đa thức một biến trong tính toán |
| 24 | Bài 4. Phép nhân và phép chia đa thức một biến | 3 | - Thực hiện được phép nhân và phép chia các đa thức một biến.- Vận dụng được tính chất của phép nhân đa thức một biến trong tính toán |
| 25 | Bài 5. Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Cách tính điểm trung bình môn học | 1 | Thực hành: Tính điểm trung bình môn học kì |
| 26 | Ôn tập cuối chương 7 **+ KTĐGTX4** | 2 | - Thực hiện được phép cộng và phép trừ hai đa thức một biến- Vận dụng được những tính chất của phép cộng đa thức một biến trong tính toán- Vận dụng được tính chất của phép nhân đa thức một biến trong tính toán |

**b. Phân môn Hình học**

| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
| --- | --- | --- | --- |
| **HỌC KỲ I (18 tuần): 14 tuần đầu x2 + (tuần 18) x2 = 28+2 = 30 tiết****CHƯƠNG 3: CÁC HÌNH KHỐI TRONG THỰC TIỄN (11 tiết)** |
| 1 | Bài 1. Hình hộp chữ nhật – Hình lập phương | 2 | - Mô tả được các yếu tố đỉnh, cạnh, góc, đường chéo của hình hộp chữ nhật và hình lập phương |
| 2 | Bài 2. Diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương | 2 | - Tính được thể tích, diện tích xung quanh của một số hình trong thực tiển có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương. |
| 3 | Bài 3. Hình lăng trụ đứng tam giác – Hình lăng trụ đứng tứ giác | 2 | - Mô tả và tạo lập được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác |
| 4 | Bài 4. Diện tích xung quanh và thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác | 2 | - Tính được diện tích xung quanh và thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác.- Tính được diện tích bề mặt và thể tích của các vật có dạng hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác. |
| 5 | Bài 5. Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Các bài toán về đo đạc và gấp hình. | 1 | Làm các bài toán về đo đạc và gấp hình |
| 6 | Bài tập cuối chương 3 **+ KTDGTX1** | 2 | - Tính được thể tích, diện tích xung quanh của một số hình trong thực tiển có dạng hình hộp chữ nhật, hình lập phương.- Tính được diện tích bề mặt và thể tích của các vật có dạng hình lăng trụ đứng tam giác và hình lăng trụ đứng tứ giác. |
| **CHƯƠNG 4: GÓC VÀ ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG (19 tiết)** |
| 7 | Bài 1. Các góc ở vị trí đặc biệt | 3 | - Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt: hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh.- Nhận biết hai góc đối đỉnh thì bằng nhau- Nhận biết được hai đường thẳng vuông góc |
| 8 | Bài 2. Tia phân giác | 1 | - Nhận biết được tia phân giác của một góc.- Vẽ được tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập- Tính được số đo góc nhờ định nghĩa tia phân giác của một góc |
| 9 | Ôn tập giữa HKI | 1 |  |
| 10 | **Kiểm tra giữa HKI** | 1 |  |
| 11 | Bài 2. Tia phân giác | 2 | - Nhận biết được tia phân giác của một góc.- Vẽ được tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập- Tính được số đo góc nhờ định nghĩa tia phân giác của một góc |
| 12 | Bài 3. Hai đường thẳng song song | 4 | - Mô tả được dấu hiệu hai đường thẳng song song thông qua các cặp góc đồng vị, so le trong.- Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song- Mô tả được tính chất của hai đường thẳng song song. |
| 13 | Bài 4. Định lí và chứng minh định lí | 2 | - Nhận biết được thế nào là một định lí- Phân biệt được phần giả thiết và phần kết luận của một định lí- Nhận biết được thế nào là chứng minh định lí |
| 14 | Bài 5. Hoạt động thực hành và trải nghiệm: Vẽ hai đường thẳng song song và vẽ góc bằng phần mềm Geobra. | 1 |  Vẽ hai đường thẳng song song |
| 15 | Bài tập cuối chương 4 **+ KTDGTX2** | 2 | - Vẽ được tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập- Tính được số đo góc nhờ định nghĩa tia phân giác của một góc- Mô tả được dấu hiệu hai đường thẳng song song thông qua các cặp góc đồng vị, so le trong.- Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song- Mô tả được tính chất của hai đường thẳng song song. |
| 16 | Ôn tập HKI | 1 |  |
| 17 | **Kiểm tra HKI** | 1 |  |
|  |
|  | **HỌC KỲ II (17 tuần): 13 tuần đầu x2 + (tuần 14) x1 + (tuần 17) x2 = 26+1+2 = 29 tiết****CHƯƠNG 8: TAM GIÁC (29 tiết)** |
| 18 | Bài 1. Góc và cạnh của một tam giác | 2 | - Giải thích được định lí về tổng ba góc của một tam giác bằng 1800- Nhận biết được liên hệ về độ dài của ba cạnh trong tam giác |
| 19 | Bài 2. Tam giác bằng nhau + **KTĐGTX3** | 6 | - Nhận biết được khái niệm hai tam giác bằn nhau- Giải thích được các trường hợp bằng nhau của tam giác- Giải thích được các trường hợp bằng nhau của tam giác vuông |
| 20 | Bài 3. Tam giác cân | 2 | - Mô tả được tam giác cân- Giải thích được tính chất của tam giác cân- Nhận ra tam giác cân trong các bài toán và trong thực tế. |
| 21 | Bài 4. Đường vuông góc và đường xiên | 2 | - Nhận biết khái niệm đường vuông góc, đường xiên- Nhận biết được khoảng cách từ một điểm đến một đường thẳng- Giải thích được quan hệ giữa đường vuông góc và đương xiên dựa trên mối quan hệ giữa cạnh và góc đối diện trong tam giác |
| 22 | Bài 5. Đường trung trực của một đoạn thẳng | 2 | - Nhận biết được đường trung trực của đoạn thẳng- Vẽ được đường trung trực của đoạn thẳng bằng dụng cụ học tập- Nhận biết được tính chất cơ bản của đường trung trực |
| 23 | Ôn tập giữa HKII | 1 |  |
| 24 | **Kiểm tra giữa HKII** | 1 |  |
| 25 | Bài 6. Tính chất ba đường trung trực của tam giác | 2 | - Nhận biết được các đường trung trực trong tam giác- Nhận biết được sự đồng quy của ba đường trung trực trong tam giác |
| 26 | Bài 7. Tính chất ba đường trung tuyến của tam giác | 2 | - Nhận biết được các đường trung tuyến của tam giác- Nhận biết được sự đồng quy của 3 đường trung tuyến tại trọng tâm của tam giác. |
| 27 | Bài 8. Tính chất ba đường cao của tam giác | 2 | - Nhận biết được các đường cao của tam giác- Nhận biết được sự đồng quy của ba đường cao tại trực tâm của tam giác |
| 28 | Bài 9. Tính chất ba đường phân giác của tam giác | 2 | - Nhận biết được các đường phân giác của tam giác.- Nhận biết được sự đồng quy của ba đường phân giác của tam giác |
| 29 | Bài 10. Hoạt động thực hành và trải nghiệm : Làm giàn hoa tam giác để trang trí lớp học. | 1 | Thực hành: Làm giàn hoa tam giác để trang trí lớp học |
| 30 | Ôn tập cuối chương 8 + **KTĐGTX4** | 2 | - Giải thích được các trường hợp bằng nhau của tam giác, tam giác vuông.- Giải thích được tính chất của tam giác cân- Giải thích được quan hệ giữa đường vuông góc và đương xiên dựa trên mối quan hệ giữa cạnh và góc đối diện trong tam giác- Nhận biết được tính chất cơ bản của đường trung trực - Nhận biết được tính chất ba đường trung trực, ba đường trung tuyến ba đường cao, ba đường phân giác của tam giác. |
| 31 | Ôn tập HKII | 1 |  |
| 32 | **Kiểm tra HKII** | 1 |  |

**b. Phân môn Thống kê và Xác suất**

| STT | Bài học | Số tiết | Yêu cầu cần đạt |
| --- | --- | --- | --- |
| **HỌC KỲ I (18 tuần): (tuần 15) x2+ (tuần 16,17) x4 + (tuần 18) x2 = 2 + 8 + 2 = 12 tiết****CHƯƠNG 5: MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ (12 tiết)** |
| 1 | Bài 1. Thu thập và phân loại dữ liệu | 2 | - Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ nhiều nguồn khác nhau trong thực tiển- Chứng tỏ tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản |
| 2 | Bài 2. Biểu đồ hình quạt tròn | 4 | - Nhận biết được ý nghĩa và công dụng của biểu đồ hình quạt tròn-Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu trong biểu đồ hình quạt tròn- Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào biểu đồ hình quạt |
| 3 | Bài 3. Biểu đồ đoạn thẳng | 4 | - Nhận biết được ý nghĩa và công dụng của biểu đồ đoạn thẳng- Đọc và mô tả thành thạo các dữ liệu ở dạng biểu đồ đoạn thẳng-Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào biểu đồ đoạn thẳng- Biết phân tích và xử lí dữ liệu trên biểu đồ đoàn thẳng |
| 4 | Bài 4. Hoạt động thực hành và trải nghiệm | 1 | Thực hành: Dùng biểu đồ để phân tích kết quả học tập môn toán của lớp |
| 5 | Bài tập cuối chương 5 | 2 | - Biết phân tích và xử lí dữ liệu trên biểu đồ đoàn thẳng- Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào biểu đồ hình quạt |
| 6 | Ôn tập HKI | 2 |  |
| 7 | **Kiểm tra HKI** | 1 |  |
| 8 | Sửa bài kiểm tra HKI | 1 |  |
|  |
| **HỌC KỲ II (17 tuần): (tuần 33) x2 + (tuần 34) x4 + (tuần 35) x2 = 2 + 4 + 2 = 8 tiết.****CHƯƠNG 9: MỘT SỐ YẾU TỐ XÁC SUẤT (8 tiết)** |
| 9 | Bài 1. Làm quen với biến cố ngẫu nhiên | 1 | Xác định được một số biến cố xảy ra hay khôn xảy ra sau khi biết kết quả phép thử- Xác định được một số biến cố chắc chắn, biến cố không thể và biến cố ngẫu nhiên |
| 10 | Bài 2. Làm quen với xác suất của biến cố ngẫu nhiên | 1 | - So sánh xác suất của các biến cố trong một số trường hợp- Tính được xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản |
| 11 | Bài 3. Hoạt động thực hành và trải nghiệm | 1 | Thực hành: Nhảy theo xúc xắc |
| 12 | Bài tập cuối chương 9 | 1 | - Xác định được một số biến cố chắc chắn, biến cố không thể và biến cố ngẫu nhiên- Tính được xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản |
| 13 | Ôn tập HKII | 2 |  |
| 14 | **Kiểm tra HKII** | 1 |  |
| 15 | Sửa bài kiểm tra HKII | 1 |  |

**2. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

| Bài kiểm tra, đánh giá | Thời gian | Thời điểm (tuần) | Yêu cầu cần đạt | Hình thức |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Giữa Học kỳ 1 | 90’ | Tuần 9 | * Căn cứ theo ma trận đề kiểm tra giữa HKI
 | TN+TL, làm trên giấy |
| Cuối Học kỳ 1 | 90’ | Tuần 18 | * Căn cứ theo ma trận đề kiểm tra cuối HKI
 | TN+TL, làm trên giấy |
| Giữa Học kỳ 2 | 90’ | Tuần 26 | * Căn cứ theo ma trận đề kiểm tra giữa HKII
 | TN+TL, làm trên giấy |
| Cuối Học kỳ 2 | 90’ | Tuần 35 | * -
 | TN+TL, làm trên giấy |

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

| **TỔ TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* | *…., ngày tháng năm 2022***HIỆU TRƯỞNG***(Ký và ghi rõ họ tên)* |
| --- | --- |